

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

**TỶ LỆ NHIỄM HIV VÀ CÁC YẾU TỐ
LIÊN QUAN Ở ĐỐI TƯỢNG ĐẾN TƯ VẤN
TẠI CƠ SỞ XÉT NGHIỆM TỰ NGUYỆN
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG ĐỒNG NAI
NĂM 2017**

Người thực hiện:

BS Nguyễn Đình Trung

NỘI DUNG

1 Đặt vấn đề

2 Mục tiêu nghiên cứu

3 Đối tượng và PPNC

4 Kết quả và bàn luận

5 Kết luận

6 Kiến nghị

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

- HIV/AIDS là một đại dịch nguy hiểm, là mối hiểm họa đối với sức khỏe con người và tương lai nòi giống của các quốc gia, các dân tộc trên toàn cầu.
- Tại tỉnh Đồng Nai tỷ lệ nhiễm HIV ở đối tượng tới tư vấn xét nghiệm là bao nhiêu? Có yếu tố nào liên quan đến tỷ lệ nhiễm HIV của đối tượng nghiên cứu?

1. ĐẶT VẤN ĐỀ (tt)

- Với câu hỏi nghiên cứu trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài:

“Tỷ lệ nhiễm HIV và các yếu tố liên quan ở đối tượng đến tư vấn tại cơ sở xét nghiệm tự nguyện Trung tâm Y tế dự phòng Đồng Nai năm 2017”

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1. *Xác định tỷ lệ nhiễm HIV và các đặc điểm của của đối tượng nghiên cứu tới tư vấn, xét nghiệm tại cơ sở xét nghiệm tự nguyện Trung tâm Y tế dự phòng Đồng Nai năm 2017.*
2. *Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ nhiễm HIV của đối tượng nghiên cứu.*

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHÊN CỨU

- Đối tượng nghiên cứu là người tới tư vấn xét nghiệm đồng ý tham gia trả lời phỏng vấn và đồng ý xét nghiệm tại Trung tâm Y tế dự phòng Đồng Nai.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHÊN CỨU (tt)

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Khách hàng ở Đồng Nai đến xét nghiệm tại thời điểm NC
- Đồng ý trả lời bộ câu hỏi và lấy máu xét nghiệm

Tiêu chuẩn loại trừ

- Những người không thuộc tỉnh Đồng Nai
- Không đồng ý hoặc trả lời không hết 2/3 bộ câu hỏi
- Không có khả năng trả lời hoặc có vấn đề về tâm lý
- Những người không lấy được bệnh phẩm

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (tt)

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

➤ Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

➤ Cỡ mẫu:

• Tính theo công thức:

$$n = \frac{Z^2_{1-\alpha/2} p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu tối thiểu cần thiết của nghiên cứu.

Z: Mức tin cậy mong muốn là 95% thì $Z = 1,96$ ($\alpha = 0,05$).

$p = 0,08$ (Nghiên cứu của Lục Duy Lạc, Nguyễn Kiều Uyên và cộng sự năm 2010, tỷ lệ HIV (+) tại Thị xã Thủ Dầu Một Bình Dương là 8%).

$d = 0,05$

• Thay số vào công thức, chúng tôi tính được cỡ mẫu tối thiểu cần thiết của nghiên cứu là 113, nhân với hệ số nghiên cứu là 2 được 226 đối tượng, làm tròn **230** đối tượng.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHÊN CỨU (tt)

PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU

Chọn mẫu ngẫu nhiên

- **Bước 1:** Chọn ngẫu nhiên những đối tượng tới tư vấn xét nghiệm HIV tại Trung tâm Y tế dự phòng tới khi đủ số mẫu theo yêu cầu thì dừng lại.
- **Bước 2:** Các đối tượng khi tới tư vấn sau khi được tư vấn và trả lời bảng câu hỏi sẽ được xét nghiệm. Sau khi có kết quả xét nghiệm đối chiếu và bổ sung vào phiếu phỏng vấn cho mẫu phiếu phù hợp.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (tt)

CÁC BIẾN SỐ CẦN THU THẬP

Đặc điểm chung: Giới tính; Tuổi; Tình trạng công việc;
Trình độ học vấn

Các yếu tố nguy cơ:

- Yếu tố nguy cơ của đối tượng nghiên cứu: Tiêm chích ma túy; QHTD với mại dâm; QHTD đồng giới; QHTD với nhiều người; Kiểm tra sức khỏe và Nguy cơ khác.
- Yếu tố nguy cơ của bạn tình: Bạn tình nhiễm HIV; Bạn tình chích ma túy; Bạn tình mại dâm; Bạn tình QHTD đồng giới; Bạn tình QHTD với mại dâm; Bạn tình QHTD với nhiều người và Nguy cơ khác.

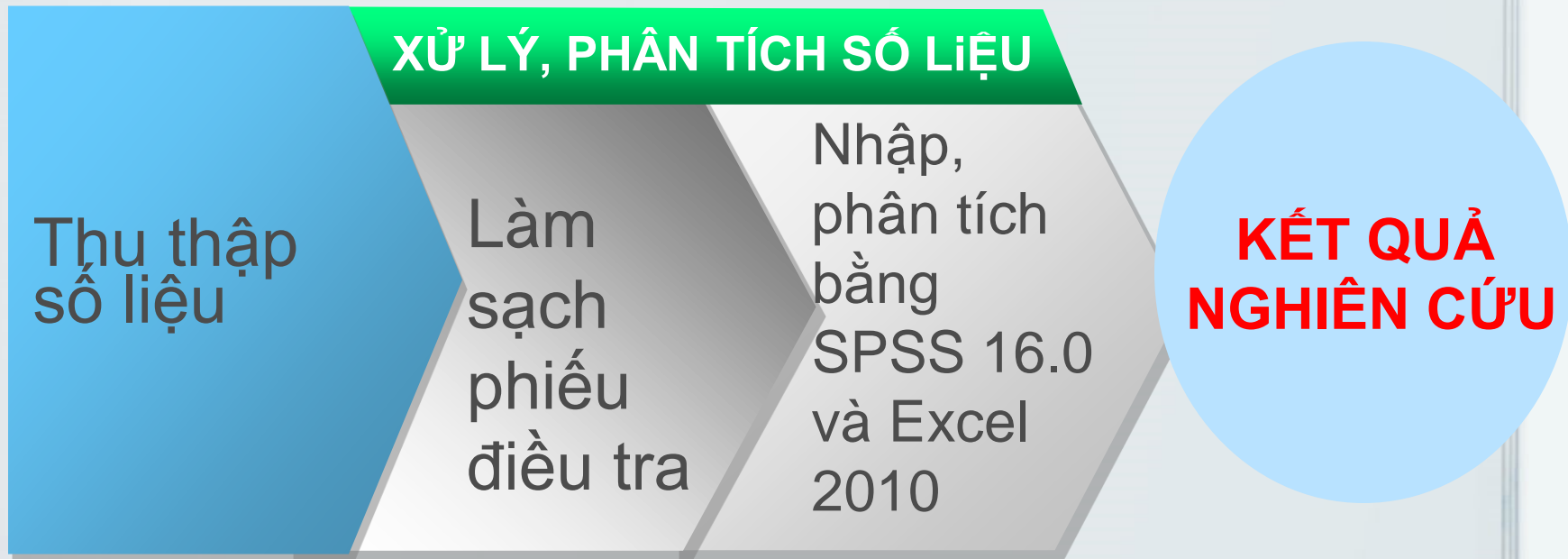
Kết quả xét nghiệm HIV: Âm tính/ Dương tính

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (tt)

Một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ HIV (+):

- Liên quan giữa tỷ lệ HIV (+) với một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: Giới, Nhóm tuổi, Tình trạng công việc, Trình độ học vấn
- Liên quan giữa tỷ lệ HIV (+) với yếu tố nguy cơ của đối tượng
- Liên quan giữa tỷ lệ HIV (+) với yếu tố nguy cơ của bạn tình

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (tt)



4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

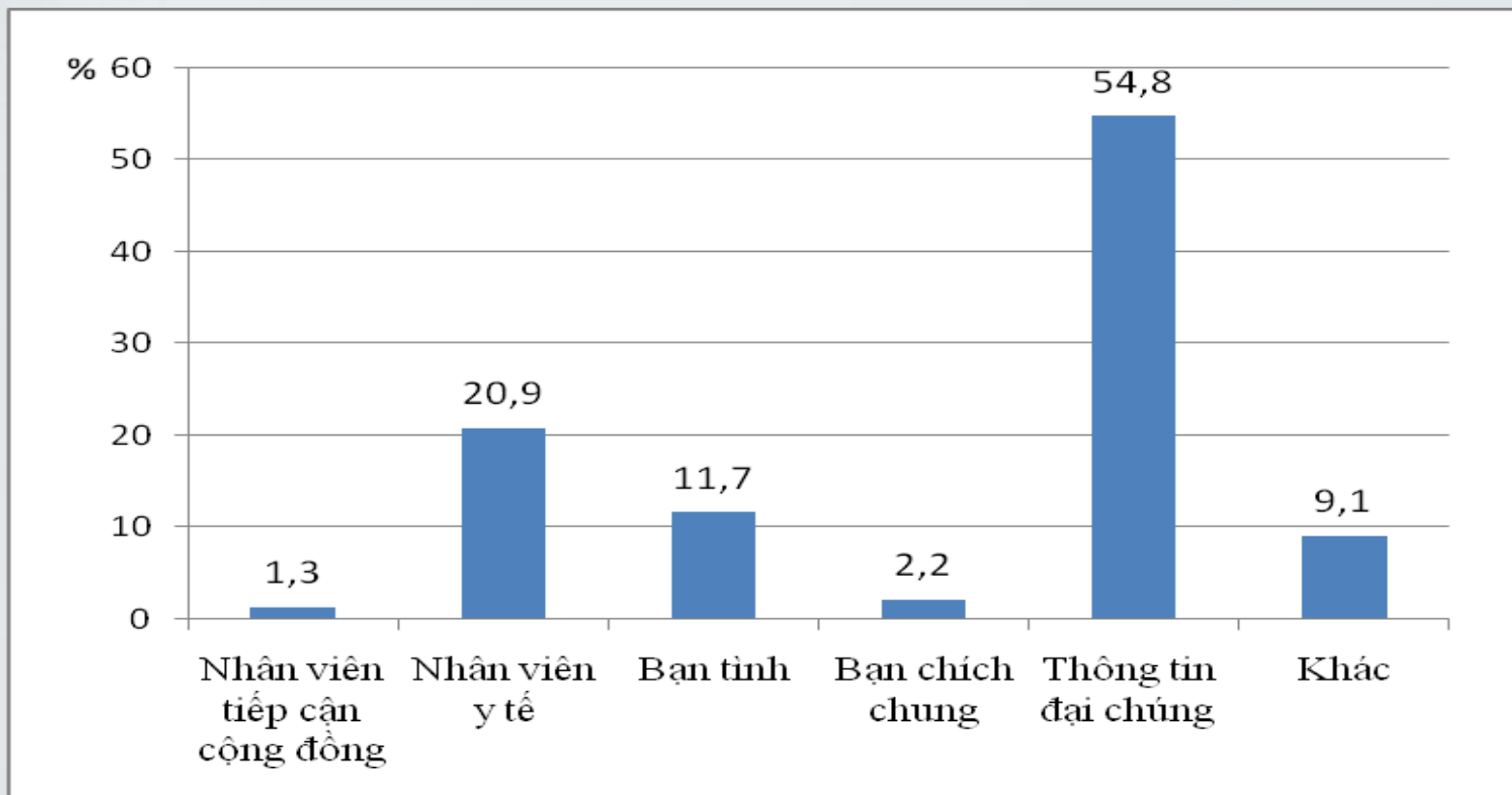
ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Trong 230 đối tượng nghiên cứu có:

- *Giới:* Tỷ lệ Nam (66,5%), Nữ (33,5%).
- *Tuổi:* Tuổi cao nhất là 61 tuổi, nhỏ nhất là 2 tuổi. Phân bố đối tượng theo độ tuổi: Nhóm tuổi từ 30 trở xuống (50%) và nhóm trên 30 tuổi (50%).
- *Tình trạng công việc:* Đang làm việc (78,3%), không làm việc (21,7%).
- *Trình độ học vấn:* Từ cấp 3 trở xuống (74,8%) và trên cấp 3 (25,2%).

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN (tt)

NGUỒN THÔNG TIN VỀ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM



Kết quả trên phù hợp với nghiên cứu của Lục Duy Lạc (2009) tại Bình Dương với tỷ lệ nguồn thông tin đối tượng tiếp cận từ kênh thông tin đại chúng là đáng kể, chiếm tỷ lệ cao nhất với 51,5%

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN (tt)

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM HIV

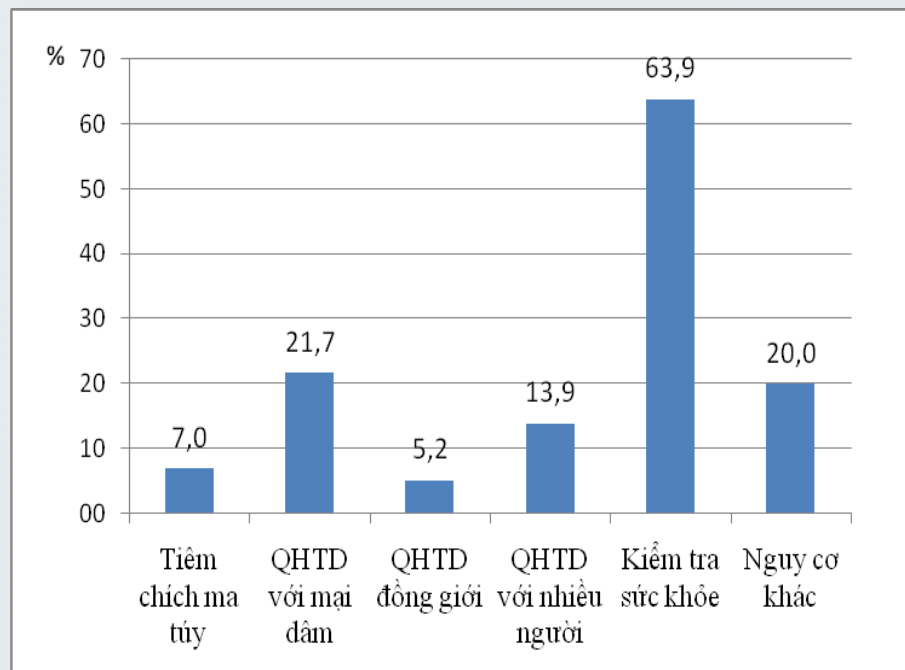
Kết quả xét nghiệm HIV	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Âm tính	193	83,9
Dương tính	37	16,1
Tổng cộng	230	100

Nghiên cứu của Lục Duy Lạc, Nguyễn Kiều Uyên và cộng sự năm 2010, tỷ lệ HIV (+) tại Thị xã Thủ Dầu Một Bình Dương là 8%

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN (tt)

YẾU TỐ NGUY CƠ CỦA ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Yếu tố nguy cơ	n	%
Có	149	64,8
Không có	81	35,2
Tổng cộng	230	100

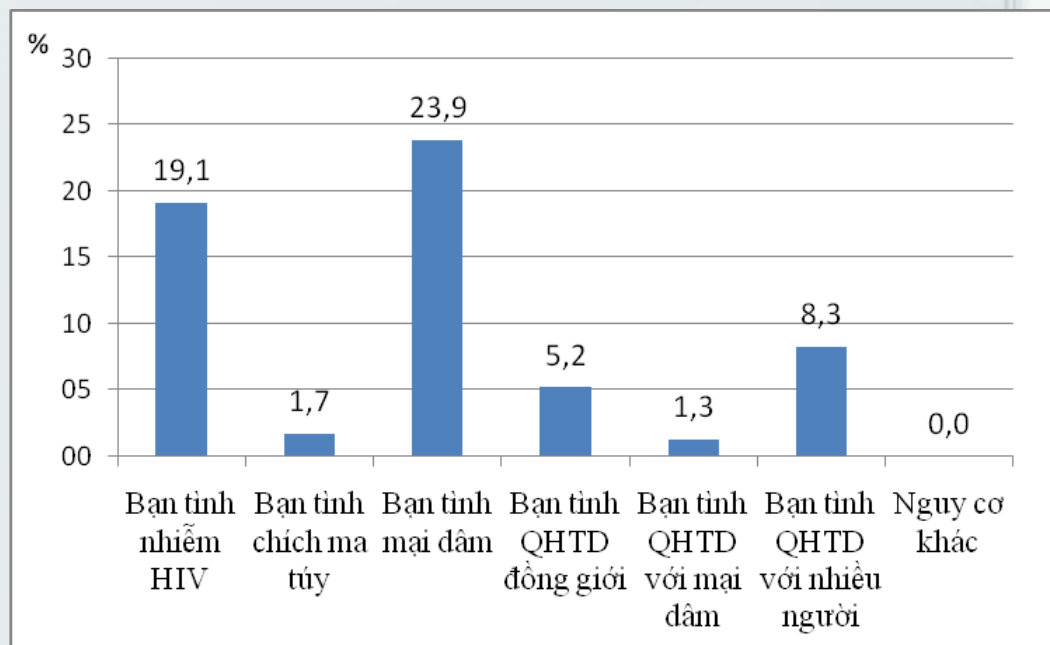


Lý do mà đối tượng đến phòng tư vấn xét nghiệm cao nhất là khi bản thân họ có hành vi nguy cơ cao chiếm 64,8% tỷ lệ này thấp hơn hơn so với kết quả nghiên cứu của Lục Duy Lạc (2009) là (65,7%). Đối tượng xét nghiệm HIV để kiểm tra sức khỏe chiếm tỷ lệ cao nhất là 63,9%

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN (tt)

YẾU TỐ NGUY CƠ BẠN TÌNH

Yếu tố nguy cơ	n	%
Có	111	48,3
Không có	119	51,7
Tổng cộng	230	100



Nghiên cứu của Đoàn Chí Hiển năm 2010, tỷ lệ bạn tình có yếu tố nguy cơ là 39,2%

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN (tt)

LIÊN QUAN TỶ LỆ HIV (+) VỚI CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Đặc điểm	Nhóm	HIV (-)		HIV (+)		p
		n	%	n	%	
Giới	Nam	123	80,4	30	19,6	p>0,05
	Nữ	70	90,9	7	9,1	
Nhóm tuổi	Từ 30 trở xuống	97	84,3	18	15,7	p>0,05
	Trên 30	96	83,5	19	16,5	
Nghề nghiệp	Đang làm việc	148	82,2	32	17,8	p>0,05
	Không làm việc	45	90,0	5	10,0	
Trình độ học vấn	Từ cấp 3 trở xuống	141	82,0	31	18,0	p>0,05
	Trên cấp 3	52	89,7	6	10,3	

Không có mối liên quan tỷ lệ nhiễm HIV (+) với các đặc điểm Giới, Nhóm tuổi, Tình trạng công việc, Trình độ học vấn ($p>0,05$).

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN (tt)

LIÊN QUAN TỶ LỆ HIV (+) VỚI YẾU TỐ NGUY CƠ ĐỐI TƯỢNG NGHIỆN CỨU

KQXN YTNC	HIV (-)		HIV(+)		p
	n	%	n	%	
Có	115	77,2	34	22,8	p<0,05
Không	78	96,3	3	3,7	
Tổng cộng	193	83,9	37	16,1	

Phù hợp với nghiên cứu của Lục Duy Lạc (2010) và Đoàn Chí Hiển. Tỷ lệ nhiễm HIV ở đối tượng có YTNC (32,1%)

KQXN YTNC đối tượng nghiên cứu		HIV (-)		HIV(+)		p
		n	%	N	%	
Tiêm chích ma túy	Có	7	43,8	9	56,2	p<0,05
	Không	186	86,9	28	13,1	
QHTD với mại dâm	Có	32	64,0	18	36,0	p<0,05
	Không	161	89,4	19	10,6	
QHTD đồng giới	Có	6	50,0	6	50,0	p<0,05
	Không	187	85,8	31	14,2	
QHTD với nhiều người	Có	28	87,5	4	12,5	p>0,05
	Không	165	83,3	33	16,7	

Phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Trần Hiền, cho thấy lây truyền HIV ở 7 tỉnh điều tra xảy ra chủ yếu ở những người nghiện chích ma túy (63,2%); Tỷ lệ nhiễm HIV ở đối tượng QHTD với mại dâm (23,2%); Tỷ lệ nhiễm HIV ở đối tượng QHTD đồng giới (7,2%)

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN (tt)

LIÊN QUAN TỶ LỆ HIV (+) VỚI YẾU TỐ NGUY CƠ BẠN TÌNH

KQXN YTNC bạn tình	HIV (-)		HIV(+)		p
	n	%	n	%	
Có	78	70,3	33	29,7	p<0,05
Không	115	96,6	4	3,4	
Tổng cộng	193	83,9	37	16,1	

Phù hợp với nghiên cứu của Lục Duy Lạc (2010) và Đoàn Chí Hiển. Tỷ lệ nhiễm HIV ở đối tượng có YTNC của bạn tình (35,5%)

KQXN YTNC của bạn tình		HIV (-)		HIV(+)		p
		n	%	n	%	
Nhiễm HIV	Có	27	61,4	17	38,6	p<0,05
	Không	166	89,2	20	10,8	
Chích ma túy	Có	3	75,0	1	25,0	p>0,05
	Không	190	84,1	36	15,9	
Mại dâm	Có	1	33,3	2	66,7	p>0,05
	Không	192	84,6	35	15,4	
QHTD đồng giới	Có	6	50,0	6	50,0	p<0,05
	Không	187	85,8	31	14,2	
QHTD với mại dâm	Có	1	33,3	2	66,7	p>0,05
	Không	192	84,6	35	15,4	
QHTD với nhiều người	Có	17	89,5	2	10,5	p>0,05
	Không	176	83,4	35	16,6	

Phù hợp với nghiên cứu của Trương Tấn Minh, tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm đối tượng có bạn tình nhiễm HIV là 20%.


Nghiên cứu của Lục Duy Lạc (2010) và Đoàn Chí Hiển với tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm đối tượng có bạn tình QHTD đồng giới là 30,6%.

5. KẾT LUẬN

- * Tỷ lệ đối tượng đến xét nghiệm bị nhiễm HIV là 16,1%.
- * Một số yếu tố liên quan đến nhiễm tỷ lệ HIV (+):
 - Có mối liên quan giữa tỷ lệ HIV (+) với các yếu tố nguy cơ của đối tượng nghiên cứu. Liên quan giữa tỷ lệ nhiễm HIV với các nguy cơ: *Tiêm chích ma túy; QHTD với mại dâm; QHTD đồng giới.*
 - Có mối liên quan giữa tỷ lệ HIV (+) với các yếu tố nguy cơ của bạn tình. Liên quan giữa tỷ lệ nhiễm HIV với các nguy cơ: *Bạn tình nhiễm HIV; Bạn tình có QHTD đồng giới.*

6. KIẾN NGHỊ

- Duy trì và củng cố hệ thống phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện và điều trị ngoại trú HIV. Vì hệ thống đã đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và chăm sóc thứ cấp cho đối tượng có hành vi nguy cơ cao, nhất là người nhiễm HIV/AIDS. Nâng cao chất lượng của dịch vụ tư vấn về mọi mặt tạo niềm tin cho khách hàng sau tư vấn xét nghiệm đầy đủ.
- Tăng cường hoạt động thông tin giáo dục truyền thông phòng chống HIV/AIDS đến mọi tầng lớp nhân dân, gia đình, đặc biệt là nhóm lao động tự do, bản thân người có nguy cơ, gia đình người nhiễm, giảm kỳ thị phân biệt đối xử.



XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!

BS Nguyễn Đình Trung

Địa chỉ: Phòng khám đa khoa – Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai

Email: trungkj543@gmail.com